

Tính nhất quán - đa dạng trong nghiên cứu, phê bình văn học của Lê Đình Ky

• **Nguyễn Văn Hà**

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM

TÓM TẮT:

Lê Đình Ky hội tụ được những phẩm chất rất đáng quý của một nhà văn học tài năng: sự hài hòa, xuyên thấm vào nhau giữa nhà học thuật có tư duy luận lý sắc sảo và nhà nghệ sĩ ngôn từ có tính cách phóng túng, tự do; một nhà lý luận, phê bình có quan điểm và nguyên tắc riêng. Điều đó làm nên phong cách nghiên cứu, phê bình văn học nhất quán và đa dạng của ông.

Nghiên cứu về lý luận văn học dĩ nhiên là

công việc của nhà học thuật nhưng con người nghệ sĩ trong Lê Đình Ky cũng có can dự vào. Mỗi quan hệ giữa con người học thuật và con người nghệ sĩ, giữa tính chất nghiên cứu và tính chất phê bình trong cách tiếp cận và thể hiện đối tượng của ông trở nên “cân đối” hơn trong nghiên cứu văn học. Đến phê bình thơ, con người nghệ sĩ trong ông hoàn toàn được khai phóng, chất tài hoa, tài tử trong ông được thăng hoa.

Từ khóa: Lê Đình Ky, lý luận, phê bình văn học, Truyện Kiều và chủ nghĩa hiện thực, Thơ mới - những bước thăng trầm

*Ai đem phân chất một mùi hương
Hay bán cảm ca. Tôi chỉ thương
Chỉ lặng chuỗi theo dòng cảm xúc
Như thuyền ngư phủ lạc trong sương.*

(Vì sao - Xuân Diệu)

Đến với sự nghiệp trước tác đồ sộ gồm 19 tác phẩm, tổng cộng hơn 5.000 trang của Giáo sư - Nhà giáo Nhân dân Lê Đình Ky (1923-2009) là đến với cái đẹp của một nhân cách và tài năng trong lĩnh vực nghiên cứu, phê bình văn học giai đoạn nửa sau thế kỷ XX ở Việt Nam. Mà cái đẹp vốn dĩ thích hợp cho sự thụ cảm, thưởng ngoạn hơn là sự phân tích, phê bình. Bài viết này chỉ xin trình bày vài cảm nhận về những trang nghiên cứu, phê bình của Giáo sư Lê Đình Ky, người thầy mà nhiều thế hệ sinh viên Khoa Văn hết lòng kính trọng, thương yêu.

Qua hoạt động giảng dạy, nhất là qua trước tác của mình, có thể thấy ở Lê Đình Ky hội tụ được

những phẩm chất rất đáng quý, nếu không muốn nói là lý tưởng của một nhà văn học tài năng. Ông có một nền tảng kiến thức triết học, mỹ học, lý luận văn học, phê bình văn học, văn học sử thật căn cơ và hệ thống; một tâm hồn nhạy cảm, một trực giác mạnh mẽ trước cuộc sống và trước vẻ đẹp đa dạng của văn chương; một năng lực diễn đạt ngôn từ linh hoạt: vừa mạch lạc khúc chiết vừa giàu hình ảnh xúc cảm, vừa mực thước rắn rỏi vừa bay bổng tài hoa. Điều đặc biệt là những phẩm chất này được ông tích lũy chủ yếu bằng con đường tự học và ngày càng được ông nâng cao qua từng trang viết. Ở ông có sự hài hòa, xuyên thấm vào nhau giữa một nhà học thuật có tư duy luận lý sắc sảo và một nghệ sĩ ngôn từ có tính cách phóng túng, tự do. Một con người như vậy, một ngòi bút như vậy không thể nói là nhiều trong đời sống lý luận, phê bình Việt Nam hơn nửa thế kỷ qua.

Sinh thời Lê Đình Ky ít khi phát biểu trực tiếp về quan điểm và phương pháp nghiên cứu, phê bình văn học của mình, nhưng đọc những gì ông viết có thể thấy ông là một nhà lý luận, phê bình có quan điểm và nguyên tắc riêng, bên cạnh những quan điểm và nguyên tắc chung mà những nhà nghiên cứu, phê bình văn học marxist đương thời đều có. Thứ nhất, ông luôn tôn trọng và vận dụng nhuần nhuyễn quan điểm và nguyên tắc lịch sử cụ thể trong việc nghiên cứu, thẩm định các hiện tượng văn học, nhất là các hiện tượng văn học quá khứ. Ông tâm đắc với phương pháp đánh giá nhân vật lịch sử do Lenine gợi ra; ông dành hẳn Phần Bốn cuốn *Truyện Kiều* và chủ nghĩa hiện thực để phân tích phương diện lịch sử - cụ thể của thi pháp *Truyện Kiều*. Nhờ thế những trang viết của ông về *Truyện Kiều*, thơ Hồ Xuân Hương, thơ Tú Xương, Thơ mới, các tác phẩm văn học dân gian... đều tránh được sự cực đoan. Thứ hai, ông quan niệm địa hạt văn chương “không có chuyện tiếng nói cuối cùng”, đó là lĩnh vực “Mà trong lẽ phải có người có ta”. Ông có tranh luận, phản biện như thấy ở *Nhìn lại tư tưởng văn nghệ thời Mỹ - Ngụy* (1987) nhưng ông chưa bao giờ tỏ ra nặng lời, dè bĩu với bất kỳ ai. Ông có bị phê bình và phê phán như trong trường hợp xuất bản cuốn *Các phương pháp nghệ thuật* (1962) nhưng ông không tỏ ra nao núng và từ bỏ những tín niệm của mình. Nhờ thế ông trở thành cây bút nghiên cứu phê bình có bản lĩnh và cá tính. Thứ ba, ông quan niệm “đi vào phê bình, thẩm định văn học, đòi hỏi đầu tiên là hiểu văn học đúng là văn học”¹, “Tiêu chuẩn đầu tiên của thơ là thơ phải... là thơ”². Nói gì thì nói, đối tượng của nghiên cứu, phê bình văn học trước hết phải là tác phẩm văn học đích thực với tất cả phẩm chất và giá trị tư tưởng, nghệ thuật đặc thù của nó. Nghiên cứu, phê bình văn học xét cho cùng là để giúp công chúng hiểu được và hiểu đúng cái đẹp của văn chương, từ

đó góp phần thúc đẩy văn chương phát triển chứ không phải vì lợi ích tự thân của nghiên cứu, phê bình và tác giả của nó. Quan điểm của Lê Đình Ky thực ra không mới nhưng trong bối cảnh mà cha đẻ của quan niệm này – tác giả của Văn chương và hành động – cùng với không ít nhà văn, nhà thơ từng có tác phẩm “Vang bóng một thời” đều tự nguyện phủ định mình thì những khẳng quyết của ông bỗng trở nên lấp lánh và táo bạo. Có thể nói đây là quan điểm chủ đạo của Lê Đình Ky trong nghiên cứu, phê bình văn học, là nguyên nhân vừa dẫn đến những rắc rối vừa đưa lại những thành công nổi bật trong sự nghiệp trước tác của ông. Và thực tế cho thấy, những tác giả, tác phẩm mà ông dụng công nghiên cứu, phê bình đều là những tác giả, tác phẩm văn học có giá trị và sức sống cho đến hôm nay.

Những phẩm chất và quan điểm, nguyên tắc vừa nêu đã làm nên phong cách nghiên cứu, phê bình văn học nhất quán và đa dạng của Lê Đình Ky, đủ khiến ông trở thành một cây bút có tiếng nói và chỗ đứng riêng không chỉ trong đời sống văn học đương thời mà cả trong lịch sử văn học Việt Nam hiện đại.

Về lý luận, chủ yếu thể hiện qua các giáo trình đại học, Lê Đình Ky nghiên cứu khá rộng, từ những nguyên lý văn học căn bản đến các trào lưu, phương pháp sáng tác; từ quan điểm văn học nghệ thuật của các nhà kinh điển của chủ nghĩa Marx đến đường lối văn hóa văn nghệ của Đảng Cộng sản Việt Nam. Có thể nói bằng nhiệt tình và công phu, Lê Đình Ky đã giới thiệu một cách hệ thống những quan điểm và vấn đề tiêu biểu của lý luận văn học marxist ở Việt Nam. Mặc dù ít nhiều bị câu thúc bởi quan điểm chính thống, bị ràng buộc bởi đối tượng, thể loại và mục đích nghiên cứu, nhưng Lê Đình Ky vẫn có những tìm tòi và đóng góp cá nhân đáng chú ý. Khi nghiên cứu vấn đề nào ông cũng xuất phát và soi rọi từ nhiều bình diện, quan hệ và cấp độ khác nhau để cuối cùng ông chỉ ra được đặc thù của văn học trong vấn đề đó. Chẳng hạn, bàn về phương pháp sáng tác, ông không xem nhẹ vấn đề lập

¹ Lê Đình Ky: *Tự học là chính* (Nguyễn Tý thực hiện). Dẫn lại theo: Huỳnh Như Phương (2006) (sưu tầm, tuyển chọn và giới thiệu), *Tuyển tập Lê Đình Ky*, Nxb Giáo Dục, tr. 20.

² Lê Đình Ky (1969), *Đường vào thơ*, Nxb Văn Học, tr. 152.

trường, quan điểm chính trị, xã hội, thẩm mỹ của nhà văn mà ông còn nhấn mạnh đến tư tưởng và phong cách của tác giả như là những cá tính sáng tạo độc đáo. Ông phân tích sâu sắc định luận kinh tế của các nhà kinh điển của chủ nghĩa Marx đối với văn nghệ nhưng ông cũng cho thấy các vị ấy luôn thừa nhận nhiều phương diện có tính “tự trị” của văn chương, nghệ thuật. Gần như mọi nỗ lực tìm tòi, diễn giải kinh điển hay văn kiện của Đảng về văn học nghệ thuật của ông cũng đều hướng đến một tư tưởng chung là ủng hộ và khơi gợi tính đa dạng, tính loại biệt của hình thái ý thức xã hội này, đồng thời cổ vũ nhiệt thành cho sự “tự do sáng tạo và sáng kiến cá nhân” của văn nghệ sĩ. Sau này Lê Đình Kỵ có nói trong một bài phỏng vấn rằng: “Khi biên soạn các giáo trình tôi đều có ý thức đưa vào những ý riêng của mình”³. Những ý riêng ấy, ngày nay ai cũng thấy, không phải là tùy tiện, ngẫu hứng, nhất thời mà là những điều tất nhiên đã được ông nghiền ngẫm kỹ lưỡng và trình bày thỏa đáng. Thực chất đó là biểu hiện của một tầm văn hóa cao, một đầu óc uyên bác, một nhận thức sâu sắc về bản chất, đặc thù của văn chương.

Là một nhà nghiên cứu về lý luận văn học chuyên nghiệp, Lê Đình Kỵ luôn coi trọng vai trò của lý luận trong nghiên cứu, phê bình văn học, nhưng cũng chính ông là người ít tỏ ra sùng phục và bị câu thúc bởi lý luận. Ông viết: “Ai mà coi thường các vấn đề lý luận chung hay thuộc lĩnh vực của mình, người ấy không thể đi xa và cũng không thể nói là có hoài bão lớn được. Đã tha thiết yêu văn học thì không thể không tha thiết với đời sống văn học, tức cũng không thể nào coi thường lý luận văn học, mỹ học được. Còn việc người ấy không thích thú, không thể đọc được trọn vẹn một tác phẩm lý luận chung chung, ít có suy nghĩ sáng tạo thì đó lại là chuyện khác. Các sách lý luận hay hiện nay còn rất ít hiếm”⁴. Qua đó cho thấy trong nghiên cứu về

lý luận, theo ông cũng đòi hỏi có sự suy nghĩ sáng tạo. Sách lý luận đâu chỉ là thuyết lý chuyện đúng sai mà còn phải “hay”, tức là phải có sức thuyết phục, có tính thẩm mỹ. Nghiên cứu về lý luận dĩ nhiên là công việc của nhà học thuật nhưng con người nghệ sĩ trong Lê Đình Kỵ cũng có can dự vào. Sách lý luận của ông không chỉ có lý mà còn có tình; không chỉ có quan điểm tư tưởng mà còn có hình ảnh cảm xúc; không chỉ có mặt này và mặt khác theo kiểu chiết trung cho đủ “gia vị” mà là nỗ lực để “hiểu văn học đúng là văn học”, như thấy ở đoạn trích sau: “Văn học nghệ thuật nhằm phát hiện bản chất sâu xa của đời sống, nhưng bản chất này không phải đạt tới bằng cách tước bỏ cái phong phú, cái cụ thể của những sự vật, những con người trong đời sống thực. Người xưa có nói ‘Ngựa trắng không phải là ngựa’. Đúng như thế. Trước mắt chúng ta không phải là ngựa chung chung, mà là ngựa trắng, ngựa ô, ngựa hồng, ngựa tía... Cái chung làm nên bản chất, làm nên ý nghĩa sâu xa của sự vật, không tồn tại cách nào hơn là dưới dạng hiện tượng, dưới dạng cụ thể riêng biệt. Văn học nghệ thuật bám chặt lấy mặt cụ thể cảm tính này, không bỏ qua những hình dáng, đường nét, sắc màu, mà từ cái trắng, cái ô, cái hồng, cái tía cụ thể kia mà làm hiện lại trước mắt ta cái làm nên bản chất của ngựa, làm nên ‘vấn đề’ của ngựa. Văn nghệ tái hiện đời sống trong hình thái của bản thân đời sống là như thế”⁵.

Nghiên cứu về văn học, Lê Đình Kỵ có ba công trình xuất sắc: *Truyện Kiều và chủ nghĩa hiện thực* (1970), *Thơ Tố Hữu* (1979) và *Thơ mới - những bước thăng trầm* (1988). Viết ba công trình này dường như Lê Đình Kỵ muốn chứng minh khả năng ứng dụng, tính thực tiễn của hệ thống lý luận văn học mà ông đã dày công nghiên cứu; đồng thời ông cũng muốn có cơ hội “giải phóng năng lượng” con người nghệ sĩ trong ông qua các hiện tượng thơ ca tiêu biểu của dân tộc. Thực tế cho thấy ông đã vận

³ Lê Đình Kỵ: *Cái duyên và cái nghiệp* (Nguyễn Hà thực hiện), Tạp chí *Văn học*, số 3/2000, tr. 11.

⁴ *Tuyển tập Lê Đình Kỵ*, SĐD, trang 638.

⁵ *Tuyển tập Lê Đình Kỵ*, Sđd, trang 125.

dụng rất linh hoạt “cái khung” của chủ nghĩa hiện thực đối với Truyện Kiều, của chủ nghĩa lãng mạn đối với Thơ mới và của chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa đối với thơ Tố Hữu để đem lại những kiến giải sâu sắc và hệ thống về giá trị nội dung tư tưởng cũng như hình thức nghệ thuật của các hiện tượng văn học này. Bên cạnh đó, trong mỗi công trình ông đều có những phát hiện tinh tế và thú vị. Chẳng hạn, ông cho rằng một trong những đột xuất của Nguyễn Du so với Thanh Tâm Tài Nhân và nhiều tác giả truyện Nôm cùng thời là Nguyễn Du đã xây dựng và thể hiện nhân vật Thúy Kiều thành một tính cách, một “cá nhân tự ý thức”, một con người của đời sống thực. Đây chính là điểm nhấn quan trọng khiến chúng ta có thể cảm nhận phần nào thiên tài thơ ca và chủ nghĩa nhân đạo thống thiết của Nguyễn Du, hiểu được phần nào vì sao Truyện Kiều lại có sức sống mãnh liệt và đầy ám ảnh trong nhiều thế hệ độc giả Việt Nam đến như vậy. Không ít người từng đọc, thậm chí thuộc lòng bài thơ Tình già của Phan Khôi và bài Chùa Hương của Nguyễn Nhược Pháp, nhưng chưa ai thấy được những điều như Lê Đình Kỵ đã thấy: “Không phải tình cờ mà bài Thơ mới đầu tiên Tình già là dành cho tình yêu. Bài thơ gây ấn tượng mạnh nhất không phải ở hình thức mới – một hình thức thực ra chẳng mấy người noi theo – mà ở cái mầm mống đã gieo: đó là cái mối tình già nhân ngãi non vợ chồng, đứt nối, dở dang: Ta là nhân ngãi đầu phải vợ chồng mà tính chuyện thủy chung”⁶. Về bài thơ Chùa Hương, ông viết: “Với thơ cũ, đại đoàn viên là cái đích cuối cùng phải đạt tới. Với các nhà thơ lãng mạn, đoàn viên, hôn nhân bắt đầu thì thơ ca cũng chấm dứt, như Nguyễn Nhược Pháp đã có chú thích về cái kết thúc của bài Chùa Hương nổi tiếng: ‘Thiên ký sự đến đây là hết. Tôi tin rằng rồi hai người sẽ lấy nhau. Vì không lấy được nhau thì cô bé còn viết nhiều, lấy nhau rồi là hết chuyện’. Lấy nhau rồi va chạm với thực tế, nghĩa là không còn

lãng mạn, không còn cảm hứng cho thơ nữa”⁷. Với hai chi tiết đó, Lê Đình Kỵ phác họa được motif nội dung chủ đề tình yêu và tính chất lãng mạn của cả phong trào Thơ mới. Công trình nghiên cứu của ông lôi cuốn và thuyết phục người đọc đôi khi ở những phát hiện có vẻ nhỏ nhặt, bên lề như thế. Trong Thơ Tố Hữu, một mặt ông khẳng định những thành tựu và đóng góp rất đáng kể của Tố Hữu trong nền thơ ca cách mạng và kháng chiến của dân tộc, nhưng mặt khác, ông cũng cho thấy những giới hạn về chất thơ, về phương thức biểu hiện của thi nhân xứ Huế này bằng những ví dụ và lời bình chừng mực, nhẹ nhàng, đôi khi pha chút hóm hỉnh: “Thông thường cách hiệp vần trong thơ Tố Hữu rất đạt, làm nổi lên các ý chính mà nhà thơ muốn nhấn mạnh. Nhưng (...) có trường hợp gieo vần theo kiểu lấp chỗ trống:

Tổ quốc ta quyết không mất nữa!

Phố làng đây, nhà cửa ta đây.

Dù tan nát, cháy thành than lửa,

Máu hy sinh phải rửa thù này.

Nói cháy thành than lửa là để chỉ tiện hiệp vần nữa, chứ không có lý do nào khác. Còn rửa thù thì phải bằng máu của kẻ thù, chứ sao lại bằng máu hy sinh của ta được?”⁸. Đoạn trích chứng tỏ Lê Đình Kỵ không chỉ là người yêu thơ, say thơ mà còn là người đòi hỏi cao về chất lượng của thơ, dù đó là thơ của một tác giả đã nổi tiếng.

So với các công trình và bài viết khác thì mối quan hệ giữa con người học thuật và con người nghệ sĩ, giữa tính chất nghiên cứu và tính chất phê bình trong cách tiếp cận và thể hiện đối tượng của Lê Đình Kỵ đã trở nên “cân đối” hơn trong Truyện Kiều và chủ nghĩa hiện thực, Thơ Tố Hữu và Thơ mới - những bước thăng trầm. Sự “cân đối” được bộc lộ không chỉ ở cấu trúc của các cuốn sách mà còn bộc lộ qua từng phần, từng trang của nó. Chẳng hạn, bốn chương đầu của Thơ mới - những bước thăng trầm (Một ít lịch sử, Khuynh hướng chung,

⁶ Lê Đình Kỵ (1993), *Thơ mới - những bước thăng trầm*, Nxb TP. HCM, tr. 138.

⁷ Lê Đình Kỵ (1993), Sđd, tr. 143.

⁸ *Tuyển tập Lê Đình Kỵ*, Sđd, tr. 407.

Vấn đề đánh giá Thơ mới, Đóng góp lịch sử) rõ và mạnh về học thuật và nghiên cứu nhưng đến Chương 5 (Mấy tác giả) thì thiên về nghệ thuật và phê bình. Nhưng đồng thời, ta cũng thấy không ít đoạn giàu tính nghệ thuật, phê bình ngay trong những phần mà theo lẽ thường, người ta sẽ viết theo lối hàn lâm, còn Lê Đình Kỵ diễn đạt theo một phong cách phóng túng rất riêng. Tiêu kết cho mục về sự ra đời và thắng thế của Thơ mới, ông viết hào hứng, tự nhiên mà rất trúng, rất chặt chẽ: “Phá bỏ lối thơ đã ngự trị hàng ngàn năm trên thi đàn dân tộc đầu phải là chuyện chơi. Dư luận luôn sôi nổi. Phía ủng hộ Thơ mới cũng đông không kém phía phản đối. Cuộc tranh cãi ồn ào và kéo dài đến bốn năm năm sau. Giữa lúc đó thì những bài thơ của Lưu Trọng Lư, Nguyễn Nhược Pháp, Huy Thông và nhất là của Thế Lữ ra đời, nhanh chóng được thừa nhận và hoan nghênh. Thơ cũ không có gì để địch lại, chứng tỏ lý do tồn tại của nó. Người đại biểu được hâm mộ nhất là Tản Đà từ cuối những năm 20 đã không còn sáng tác gì đáng kể, mà dù có đi nữa thì cũng không đáp ứng được những đòi hỏi của lớp người mới đang lên. Thơ cũ trên thực tế, cũng như về nguyên tắc và cung cách sáng tác, không còn phù hợp với thời đại nữa”⁹. Ngược lại, ở phần mạnh và rõ về nghệ thuật và phê bình, ta cũng bắt gặp không hiếm những đoạn có tính khái quát, lý luận sắc sảo, như đoạn giới thiệu về Xuân Diệu: “Sau Tản Đà, Xuân Diệu có lẽ là ‘thi sĩ’ nhất trong số các nhà thơ hiện đại. Đã là thi sĩ thì ít nhiều đều lãng mạn. Tiêu biểu cho thơ tiền lãng mạn là Tản Đà. Tiêu biểu cho thơ lãng mạn toàn thịnh sau 1930 là Xuân Diệu”¹⁰. Phải có kiến văn cỡ nào, một tư duy khái quát cỡ nào người ta mới có thể viết một đoạn 50 chữ thật đích đáng như thế về Thơ mới của Xuân Diệu!

Sự hài hòa giữa hai phương diện học thuật và nghệ sĩ, giữa nghiên cứu và phê bình khiến cho các công trình nghiên cứu văn học của Lê Đình Kỵ vừa đạt được những thành tựu và đóng góp về mặt khoa

học không thể chối cãi; đồng thời cũng có thể xem đó là những tác phẩm phê bình văn học của một cây bút tài hoa và lịch lãm. Nó không chỉ tổng kết, khái quát được những thành công của các hiện tượng văn học mà nó còn khơi gợi, mở rộng, nối dài những giá trị của các hiện tượng văn học đó trong không gian và thời gian. Và như một sự tưởng thưởng xứng đáng cho tác giả, các chuyên luận của Lê Đình Kỵ không chỉ được phổ biến trong giảng đường đại học, trong giới chuyên môn mà còn lan tỏa sâu rộng trong xã hội, nhất là trong những người yêu thích văn chương Việt Nam.

Trong giới nghiên cứu, phê bình văn học đương thời hiếm có ai nghiên cứu về phê bình dưới dạng thực tiễn của nó bằng cách phê bình tác phẩm của các nhà phê bình như Lê Đình Kỵ đã làm trong Thơ với Xuân Diệu, Hoài Thanh, Chế Lan Viên (1988). Phải nói đây là tác phẩm nghiên cứu - phê bình đúng nghĩa đen của thuật ngữ này bởi nó được viết một cách công phu và tinh tế. Với tấm lòng đồng điệu tri âm, Lê Đình Kỵ cho thấy Xuân Diệu, Hoài Thanh, Chế Lan Viên đích thực là ba “bậc thầy” trong nghệ thuật phê bình thơ, mỗi người một sở trường, một thế mạnh đã góp phần làm sống dậy và bừng sáng bao áng thi ca của dân tộc. Ở Xuân Diệu là sự liên tưởng mạnh mẽ đến điệu kỳ, là “một sự am hiểu về từ ngữ ít có”, ở Hoài Thanh là sự xúc cảm và trực giác nhạy bén, ở Chế Lan Viên là sự uyên bác, thông minh và tinh thần triết học. Bên cạnh đó, Lê Đình Kỵ cũng thể hiện đôi chút phân vân tiếc rẻ về tính khái quát, tính hệ thống trong tác phẩm phê bình của ba cây bút này: “Xuân Diệu đôi khi sa đà vào chi tiết và sau đó không có sự vươn dậy, đứng thẳng bằng chiều cao của sự tổng hợp (...), để lại cho người đọc cái ấn tượng đứng trước những đồ đạc, giường ghế, tủ bàn, cốc chén quý giá, bày ra một đồng, không còn là gạch ngói ngổn ngang, nhưng cũng chưa phải là một tòa nhà cân đối, uy nghi”¹¹; “Hoài Thanh rất có ý thu nhận một

⁹ Lê Đình Kỵ (1993), Sdd, tr. 11.

¹⁰ Lê Đình Kỵ (1993), Sdd, tr. 232.

¹¹ *Tuyển tập Lê Đình Kỵ*, Sdd, tr. 638.

trường hợp cụ thể mà khái quát lên thành những vấn đề chung, nhưng những vấn đề chung này cũng chỉ đóng khung ở khía cạnh lập trường tư tưởng, thế giới quan, vốn chính trị, vốn sống, trách nhiệm của nhà văn. Những vấn đề ấy người đọc đã nghe quen rồi và chờ đợi anh phát biểu về những vấn đề ít được khái quát hơn về nghệ thuật, về thể loại, về đặc trưng của văn học”¹². Từ những quan sát, chiêm nghiệm về các cây bút phê bình, Lê Đình Kỵ suy nghĩ về phương pháp phê bình thơ cho riêng mình mà cũng hy vọng được đồng nghiệp chia sẻ. Người phê bình thơ, theo ông, bên cạnh các tố chất của một nghệ sĩ ngôn từ, “biết phát hiện, phân tích cái hay, cái dở, cái đẹp, cái xấu và nói ra được theo cách riêng của mình”¹³, còn đòi hỏi một nền tảng kiến thức lý luận văn học, mỹ học đáng tin cậy nữa. Tuy nhiên, ông cũng phản đối việc đưa kiến thức lý luận một cách “lộ liễu, khô khan, cứng nhắc” vào phê bình: “Tôi nghĩ lý luận văn học, mỹ học có hai khâu: khâu kiến thức và khâu vận dụng. Kiến thức nói chung không khó. Khó là ở khâu vận dụng sao linh hoạt, sinh động và có phát hiện”¹⁴. Một chỗ khác, ông nói rõ hơn về cách vận dụng lý luận vào phê bình: “Lý luận là cơ sở để phân tích, đánh giá tác phẩm, nó không phải là cái gì cộng thêm vào bài viết, từ ngoài đưa vào; nó thể hiện không phải ở những trích dẫn, thậm chí không phải ở những cách thuyết lý nào đó, mà trước hết và chủ yếu là ở cách tiếp cận vấn đề, ở quan niệm chung và ở bản thân sự vận dụng vào thực tế tác phẩm, nó nằm bên trong, chấp cánh cho bài viết”¹⁵.

Quan niệm đúng đắn và cởi mở đó được Lê Đình Kỵ “quán triệt” trong toàn bộ trước tác phê bình của mình, kết tinh ở Đường vào thơ (1969), Trên đường văn học (2 tập, 1995) và Phê bình nghiên cứu văn học (1998), khiến ông trở thành một tiếng nói phê bình có trọng lượng và bản sắc. Con đường đi vào thế giới văn chương (chủ yếu là thơ

ca) của ông vừa có điểm kế thừa vừa có điểm sáng tạo và mới mẻ so với con đường của Hoài Thanh, Xuân Diệu, Chế Lan Viên. Nhờ có lý luận và ý thức vận dụng lý luận, hầu hết các bài phê bình của ông đều có luận điểm mới, có tính hệ thống, có tính khái quát, đạt được những chuẩn mực của các tiểu luận học thuật, mà người học tập, nghiên cứu văn học có thể dựa vào đó để phát triển thành những công trình, luận văn, luận án khoa học. Đó là “cảnh vật động, trên đà chuyển biến tiến lên”, là “phong thái ung dung của khách tự do”, là tính dân tộc trong thơ Hồ Chí Minh (Thơ Hồ Chí Minh: Nhật ký trong tù); là “tính thống nhất và đa dạng” trong tính cách Thúy Kiều (Thiếp từ ngộ biến đến giờ: Câu chuyện Thúy Kiều); là cái triết lý “đàn bà là sự sống, cuộc sống cần đến đàn bà”, là “cái vô tận, vô biên”, là chất “bình dân” trong thơ Hồ Xuân Hương (Bản lĩnh, tấm lòng Xuân Hương); là “tư thế người trong cuộc mà cười gằn, chửi đồng” xã hội cũ của Tú Xương (Nỗi niềm Tú Xương)... Tuy nhiên, cái bao trùm và ấn tượng hơn cả trong những trang phê bình của Lê Đình Kỵ là khả năng thẩm thơ, bình thơ tinh tế; khả năng phát hiện và khơi gợi được vẻ đẹp tư tưởng và thẩm mỹ của thơ; khả năng nhận diện nét phong cách và cá tính của nhà thơ... bằng một lối văn sinh động, uyển chuyển, giàu hình ảnh và nhạc tính. Nói cách khác, đọc trước tác phê bình của Lê Đình Kỵ người ta vẫn thích nhất phần tài hoa và nghệ sĩ của ông. Tài hoa và nghệ sĩ từ cách đặt nhan đề rất cuốn hút: Những biển cồn hãy đem đến trong thơ, Xuân Diệu: nỗi yêu muôn thuở, Gió lộng: tiếng nói đồng tình, đồng chí, Trí tuệ, tài năng, tâm hồn... Tài hoa và nghệ sĩ ngay ở phần mở đầu và kết thúc. Mấy chục bài phê bình của ông, kể cả 9 bài về Mấy tác giả trong Thơ mới - những bước thăng trầm, dường như không bài nào có cách mở đầu và cách kết thúc giống bài nào, tất cả đều tự nhiên và đặc sắc, vừa có sức khái quát vừa có sức khơi gợi, vừa lôi cuốn vừa có dư ba. “Huy Cận có một tâm hồn lắng nghe, tinh nhạy, một năng lực thông cảm luôn

¹² Tuyển tập Lê Đình Kỵ, Sdd, tr. 714.

¹³ Tuyển tập Lê Đình Kỵ, Sdd, tr. 637.

¹⁴ Tuyển tập Lê Đình Kỵ, Sdd, tr. 715.

¹⁵ Tuyển tập Lê Đình Kỵ, Sdd, tr. 638.

luôn hiện diện, một nguồn thơ rộng mở hiền hòa”¹⁶; “Những ngân vang sáng khoải của Việt Bắc và Ta đi tới còn chưa dứt thì tiếng kêu thương từ cái địa ngục trần gian bên kia giới tuyến lại vọng vào thơ Tố Hữu...”¹⁷; “Đã từng có ý kiến Thơ mới chỉ viết cho một số ít người thưởng thức. Nghĩ thế là người ta đã quên mất Nguyễn Bính. Kể Thơ mới mà gần gũi và phổ cập rộng rãi, về được tới cả nông thôn thì không ai qua được Nguyễn Bính, đương thời cũng như ngày nay, ngót nửa thế kỷ sau khi thơ ấy ra đời”¹⁸. Đó là mở đầu, còn đây là kết thúc bài Bản lĩnh, tấm lòng Xuân Hương, chỉ một câu ngắn mà không cộc: “Thêm một lý do để không còn trách cứ coi thơ Xuân Hương là bản năng, là buông tuồng, là dâm, là tục”¹⁹. Kết thúc bài Trí tuệ, tài năng, tâm hồn (Đọc Di cao thơ - Chế Lan Viên), cũng một câu, nhưng như viết cho chính mình: “Tặng cho đời, cho người thân, cho tất cả chúng ta những người còn sống bỗng nhiên cảm thấy như mình có lỗi”²⁰. Kết thúc mà không dừng, kết mà mở như ở bài viết về Hàn Mặc Tử: “Thân xác có thể tan, thơ vẫn còn nguyên vẹn, tài hoa, lời vàng ấy sẽ còn lại lâu với đời. Giống như Bích Khê, người bạn thơ gần gũi nhất của Hàn Mặc Tử:

Sau nghìn năm nữa trên trần thế

*Hồn vẫn về trong bóng nguyệt soi”*²¹

Không nhập sâu vào tâm hồn tác giả, không mất nhiều tháng ngày suy tư nghiền ngẫm tác phẩm của họ, đâu dễ viết được những câu sâu lắng mà có vẻ chẳng mấy dụng công như thế.

Trong phê bình và nghiên cứu về văn học, đối tượng được Lê Đình Kỵ quan tâm cũng trải một diện rộng, phong phú không kém như trong nghiên cứu về lý luận: từ những tác phẩm dân gian, cổ điển đến những tác phẩm hiện đại; từ những tác giả đã nổi tiếng đến những tác giả trẻ mới chớm định hình

giọng điệu và phong cách. Tuy nhiên trong thế giới đa sắc màu đó, Lê Đình Kỵ thường dành sự ưu tiên, ưu ái cho những cây bút tài hoa, những cá tính sáng tạo nổi trội, những tư tưởng “vượt khung”, những tác phẩm có số phận lận đận, thăng trầm. Những trang viết được coi là hay nhất, nghệ sĩ nhất, hồn vía nhất, giàu tính văn chương nhất của ông là những trang viết về Nguyễn Du và Truyện Kiều, về Hồ Xuân Hương và Tú Xương, về Thơ mới, về Xuân Diệu và Chế Lan Viên. Điều này không phải ngẫu nhiên. Nó vừa nằm trong quy luật của nghiên cứu, phê bình văn học lại vừa có phần thuộc về tính cách, tâm hồn, thiên hướng cá nhân của người viết. Khi tài năng biết nhận diện và kính trọng tài năng, khi tâm hồn đồng điệu với tâm hồn, khi tinh thần khai phóng gặp gỡ khát vọng tự do thì đó là điều kiện lý tưởng để cả chủ thể lẫn đối tượng trong nghiên cứu, phê bình cùng thăng hoa, phát tiết. Lê Đình Kỵ dường như thấy được mình, hiểu được mình hơn qua các tác giả, tác phẩm trên nên ông viết với tất cả sở trường và tâm huyết, trí tuệ và tài năng, tính chất luận lý và xúc cảm liên tài. Và qua ngòi bút “có sự thông cảm tối đa” của ông, các tác giả, tác phẩm trên cũng trở nên độc đáo, sống động và giá trị hơn.

Trong những tác giả hiện đại, có lẽ Chế Lan Viên là trường hợp rất đặc biệt đối với Lê Đình Kỵ. Ông viết cả thấy bốn bài về thi sĩ Bình Định này mà bài nào cũng hay, cũng thấm thía, nhất là ở bài cuối cùng, về Di cao thơ. Sức cuốn hút và ám ảnh của Chế Lan Viên đối với ông không chỉ là “trí tuệ, tài năng, tâm hồn” của một thi nhân mà thấm sâu trong những khía cạnh đó chính là một lương tri luôn thao thức, trăn trở và tự vấn, một nhân cách trí thức “ở không yên ổn, ngồi không vững vàng” vì miệt mài và đơn độc trong hành trình kiếm tìm chân lý cho mình. Bi kịch đớn đau của người trí thức là đôi khi họ tưởng mình đã nắm chắc chân lý trong tay như một bảo vật nhưng khi tỉnh táo mở ra xem thì đó lại là thứ giả dối tầm thường. Người trí thức không thể ngủ yên trong những tín niệm một thời, hay nói như

¹⁶ Lê Đình Kỵ (1969), Sdd, tr. 99.

¹⁷ Lê Đình Kỵ (1969), Sdd, tr. 70.

¹⁸ Lê Đình Kỵ (1993), Sdd, tr. 290.

¹⁹ *Tuyển tập Lê Đình Kỵ*, Sdd, tr. 375.

²⁰ *Tuyển tập Lê Đình Kỵ*, Sdd, tr. 633.

²¹ Lê Đình Kỵ (1993), Sdd, tr. 202.

Nguyễn Khải, người trí thức không chỉ chọn lựa một lần là xong, là chung thân với nó. Lê Đình Ky viết về Di cảo thơ lúc ông đã bước sang tuổi “cổ lai hy”, còn thi nhân yêu quý của ông “có còn nữa đâu”. Rất nhiều đoạn trong bài này, không biết ông viết về Chế Lan Viên hay ông viết về mình? Có lẽ cho cả hai: “Dẫu sao trước đây cảm xúc, suy nghĩ của con người sâu cạn khác nhau cũng là theo một kênh chung. Bây giờ, sống trong hòa bình, nhất là từ sau đổi mới, thì càng ‘ngổn ngang trăm mối’. Càng cọ xát với năm châu bốn bể, càng sáng ra nhiều điều, càng ít đất cho tâm thể tự mãn, đơn giản, một chiều. Không phải quay lưng lại, chối bỏ quá khứ, mà phản tỉnh, tự vấn, ứng xử toàn diện hơn, biện chứng hơn”²². “Trong thơ ca hiện đại ít ai như Chế Lan Viên đã đào xới, lật xuôi lật ngược mọi thứ vấn đề lớn nhỏ của đời sống, của tâm hồn, của thi ca”²³. Sự nghiệp và cuộc sống cá nhân một đời người xem ra chẳng là gì trong dòng chảy vô định của thời gian, giữa cái mệnh mang không cùng của vũ trụ: “An nhiên, thanh thản nhưng vẫn không thể ngang bằng giữa sinh và diệt, hữu và vô, nơi trời đầy hoa thì lại thiếu vắng tình yêu, tình đời, tình người, những hoa đại hoa vườn đến tiết lại trôi lên nhưng đã vĩnh viễn tuột khỏi tay mình, nơi xứ không màu chỉ có thể thấy từ xa”²⁴.

Dù đa dạng và nhiều cung bậc như thế nhưng trước sau Lê Đình Ky vẫn là người nhất quán. Với tư cách là nhà nghiên cứu văn học, ông nhất quán trong tư duy lý luận và quan điểm học thuật, “biết người biết ta”, biết vượt lên hoàn cảnh để tìm được tiếng nói và đóng góp riêng của mình. Với tư cách là nhà phê bình văn học, ông thuộc hàng “tài hoa tốt bậc, sắc sảo trong cách nhìn, cách nghĩ, cách cảm về văn chương”²⁵. Và trên hết là sự nhất quán về mục đích sống và làm việc của ông. Cả đời ông gắn như gắn bó trọn vẹn với nghề dạy học, với cái duyên và cái nghiệp văn chương. Lý tưởng của ông là nỗ lực về mọi phía có thể để đem được cái hay, cái đẹp của văn chương cho học trò. Ông tận tụy, đam mê cày bừa như một lực điền trên cánh đồng văn học bao la để đem lại hoa thơm trái ngọt cho đời.

Giáo sư Lê Đình Ky là người của một thời. Trước tác của ông là sản phẩm của một thời. Mà mỗi thời, như ông từng nói “chỉ có thể giải quyết được một phần việc của nó mà thôi”²⁶. Rồi mọi thứ đều có thể phai pha, nhạt nhòa theo năm tháng. Thiên tài cũng không cưỡng lại quy luật khắc nghiệt này. Nhưng chắc chắn một điều rằng, trong khối di sản tinh thần mà Giáo sư Lê Đình Ky để lại, cái phần có thể kết nối, hòa nhập và đồng hành được với thế giới hôm nay và mai sau vẫn là phần đa số, phần chiếm ưu thế, nhất là phần tài hoa, nghệ sĩ của ông.

²² *Tuyển tập Lê Đình Ky*, Sdd, tr. 625.

²³ *Tuyển tập Lê Đình Ky*, Sdd, tr. 629.

²⁴ *Tuyển tập Lê Đình Ky*, Sdd, tr. 632.

²⁵ Nguyễn Hữu Đạt, Giáo sư Lê Đình Ky: Nghệ sĩ hơn nghệ sĩ, *Tạp chí Văn hóa Nghệ An*, ngày 2/8/2013.

²⁶ *Lê Đình Ky: Cái duyên và cái nghiệp*, Sdd, tr. 10.

The consistency and diversification in the literary research and criticism of the author Lê Đình Ky

• **Nguyen Van Ha**

University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM

ABSTRACT:

Lê Đình Ky was a talented author born a great literary critic; his sharp sense and his free spirit intertwined interestingly to create his distinctively style. Although Lê Đình Ky made his most contributions to the field of literary criticism, it was the artist sense that integrated into his works.

Being both a scholar and an artist, taking both the academic and literary approaches, Lê Đình Ky was able to “balance” well in literary studies. In regard to poetry criticism, the hidden artist inside Le was totally released. His exquisite talent was sublimated.

Keywords: Lê Đình Ky, literary theory and criticism, Kiều and the realism, New Poet - the rise and fall

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Lê Đình Ky (1962), *Các phương pháp nghệ thuật*, NXB Giáo Dục.
- [2]. Lê Đình Ky (1969), *Đường vào thơ*, NXB Văn Học.
- [3]. Lê Đình Ky (1970), *Truyện Kiều và chủ nghĩa hiện thực của Nguyễn Du*, NXB Khoa học Xã hội.
- [4]. Lê Đình Ky (1971), *Cơ sở lý luận văn học*, tập 4, NXB Giáo Dục.
- [5]. Lê Đình Ky (1978), *Sáng mắt sáng lòng*, NXB Văn Học.
- [6]. Lê Đình Ky (1979), *Thơ Tố Hữu*, NXB ĐH & THCN.
- [7]. Lê Đình Ky (1983), *Cơ sở lý luận văn học*, tập 3 (viết chung), NXB ĐH & THCN.
- [8]. Lê Đình Ky (1984), *Cơ sở lý luận văn học*, tập 5 (viết chung), NXB ĐH & THCN.
- [9]. Lê Đình Ky (1984), *Tìm hiểu văn học*, NXB TP.HCM.
- [10]. Lê Đình Ky (1986), *Nguyên lý văn học*, Trường ĐHTH TP.HCM.
- [11]. Lê Đình Ky (1986), *Phương pháp sáng tác*, Trường ĐHTH TP.HCM.
- [12]. Lê Đình Ky (1987), *Nhìn lại tư tưởng văn nghệ thời Mỹ - nguy*, NXB TP.HCM.
- [13]. Lê Đình Ky (1988), *Thơ với Xuân Diệu, Chế Lan Viên, Hoài Thanh*, NXB Cửu Long.
- [14]. Lê Đình Ky (1988), *Hiểu đúng đắn Truyện Kiều*, Hội Văn Nghệ Đồng Tháp.
- [15]. Lê Đình Ky (1988), *Thơ mới - những bước thăng trầm*, NXB TP.HCM.
- [16]. Lê Đình Ky (1992), *Truyện Kiều và chủ nghĩa hiện thực*, Hội Nhà văn TP.HCM.
- [17]. Lê Đình Ky (1993), *Thơ mới - những bước thăng trầm* (tái bản), NXB TP.HCM.

- [18]. Lê Đình Ky (1995), *Trên đường văn học* (tập 1), NXB Văn Học.
- [19]. Lê Đình Ky (1995), *Trên đường văn học* (tập 2), NXB Văn Học.
- [20]. Lê Đình Ky (1998), *Phê bình, nghiên cứu văn học*, NXB Giáo Dục.
- [21]. Lê Đình Ky (1998), *Vấn đề chủ nghĩa lãng mạn trong văn học Việt Nam*, NXB Giáo Dục.
- [22]. *Tuyển tập Lê Đình Ky* (2006), (Huỳnh Như Phương sưu tầm, tuyển chọn và giới thiệu), NXB Giáo Dục.